

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST
Ngày 27-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thả
2. Ông Phạm Đình Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Quỳnh – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 24/2020/TLST-KDTM ngày 10/12/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N; Địa chỉ: 201-203 T, phường 4, quận 3, TP.Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân Hng TMCP N

Địa chỉ: Lầu 3, 97 Bis V Hm, phường N, quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Quốc K (có mặt) và ông Nguyễn Phan Chính N (vắng mặt), chức vụ: chuyên viên xử lý nợ - Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản ngân V Hng TMCP N

2. Bị đơn: Ông **Châu V H**, sinh năm 1968 và bà **Quan Thị Đ**, sinh năm 1975 “cùng có mặt”

Địa chỉ: Đội 2, thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Nguyễn Quốc K - Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân V Hng TMCP N trình bày tại đơn khởi kiện; tại các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa như sau:

Ngày 30/07/2019, ông Châu V H và bà Quan Thị Đ đã ký kết Hợp Đồng tín dụng từng lần số: 1892/2019/701-CV để vay tiền của Ngân hàng TMCP N tại Chi nhánh Bình Phước cụ thể như sau: số tiền vay: 900.000.000đồng; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 11,3 %/ năm, lãi suất thay đổi định kỳ 03 tháng/lần; mục đích vay: bổ sung vốn thu mua nông sản.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Quyền sử dụng đất thửa đất số 201, tờ bản đồ số 15, diện tích 28.712,8 m² tại địa chỉ: thôn 3, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Chủ sở hữu tài sản: Ông Châu V H và bà Quan Thị Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 351322 có sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH 001586/CMOI-LP do UBND huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước cấp ngày 12/06/2018 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1094/2019/701-BĐ ngày 30/7/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông V H, bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 02/9/2019. Do đó nay Ngân V Hng khởi kiện yêu cầu ông V H, bà Đ trả toàn bộ số tiền vay gốc 900.000.000 đồng và toàn bộ tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả tạm tính đến ngày 27/4/2021 là 1.136.536.363 đồng.

Trường hợp ông V H, bà Đ không trả được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản để thu hồi nợ cho ngân hàng TMCP N.

- Bị đơn ông Châu V H và bà Quan Thị Đ cùng ý kiến trình bày:

Ông V H, bà Đ xác nhận vào ngày 30/7/2019 có vay của ngân hàng TMCP N-chi nhánh Bình Phước số tiền 900.000.000 đồng và thế chấp tài sản để vay tiền đúng theo như nội dung khởi kiện của ngân hàng.

Trong quá trình vay, ông H, bà Đ có trả lãi hàng tháng từ ngày vay đến khoảng tháng 9/2019 (không nhớ rõ số tiền), từ tháng 10/2019 cho đến nay thì ông H, bà Đ không trả lãi, không trả được tiền gốc, do không có khả năng trả nợ.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, thì ông H, bà Đ cùng đồng ý trả nợ cho ngân hàng, tuy nhiên mong Hội đồng xét xử và ngân hàng xem xét giảm tiền lãi hoặc gia hạn thời gian trả nợ để ông V H, bà Đ làm việc, tích góp trả dần. Chứ hiện nay kinh tế gia đình rất khó khăn, giá nông sản thấp không đủ chi phí sinh hoạt gia đình và trả nợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N về yêu cầu bị đơn

ông V H, bà Đ trả số tiền gốc vay và tiền lãi vay. Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng do nguyên đơn Ngân hàng TMCP N thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn ông Châu V H, bà Quan Thị Đ cư trú tại thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quyền khởi kiện: Hợp đồng tín dụng từng lần số 1892/2019/701-CV ngày 30/7/2019 ký kết giữa ông V H, bà Đ và Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Bình Phước tính đến thời điểm khởi kiện ngày 24/11/2020 đã quá thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 01/8/2020 nhưng ông V H, bà Đ chưa trả nợ gốc và tiền lãi từ ngày 02/9/2019; do đó phía ngân hàng được phát sinh quyền khởi kiện.

[3] Tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là Hợp đồng tín dụng từng lần số 1892/2019/701-CV ngày 30/7/2019, giấy nhận nợ số 01/GNN-1892/2019/703-CV ngày 01/8/2019, hợp đồng thế chấp tài sản số 1094/2019/701-BĐ ngày 30/7/2019, cùng các tài liệu chứng cứ khác liên quan. Các tài liệu này đều có chữ ký của ông V H, bà Đ, nội dung thỏa thuận là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa ông V H, bà Đ và Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Bình Phước là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Do đó có đủ cơ sở xác định ông V H, bà Đ đã vay của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Bình Phước số tiền gốc vay 900.000.000 đồng, từ ngày 02/9/2019 đến nay ông V H, bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, không trái các quy định tại các Điều 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, buộc ông V H, bà Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc vay 900.000.000 đồng và tiền lãi gồm:

Lãi trong hạn: $900.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng (từ ngày 02/9/2019 đến ngày 01/8/2020)} \times 12.45\%/năm = 101.069.413 \text{ đồng}$

Lãi quá hạn: $900.000.000 \text{ đồng} \times 269 \text{ ngày (từ ngày 02/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/4/2021)} \times 18.68\%/năm = 123.868.972 \text{ đồng}$

Lãi chậm trả: $101.069.413 \text{ đồng} \times 574 \text{ ngày (từ ngày 02/9/2019 đến ngày 27/4/2021)} \times 10\%/365 \text{ ngày} = 11.597.978 \text{ đồng}$

Tổng cộng tiền vay gốc và lãi là 1.136.536.363 đồng.

Do hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa ông V H, bà Đ và Ngân hàng TMCP N-chi nhánh Bình Phước là hợp pháp nên trường hợp ông V H, bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả nợ cho nguyên đơn. Xét thấy đề xuất của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn ông V H, bà Đ phải chịu do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 117, 119, 288, 293, 298, 318, 319, 466, 468, 500, 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N

1.1 Buộc ông Châu V H, bà Quan Thị Đ liên đới có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền gốc vay 900.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn 101.069.413 đồng, tiền lãi quá hạn 123.868.972 đồng, lãi chậm trả là 11.597.978 đồng; tổng cộng tiền vay gốc và các khoản tiền lãi là 1.136.536.363 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi sáu triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng).

1.2 Ông V H, bà Đ còn phải tiếp tục liên đới trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 28/4/2021 cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 1892/2019/701-CV ngày 30/7/2019 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Bình Phước có nghĩa vụ trả lại cho ông V H, bà Đ toàn bộ tài sản thế chấp khi ông V H, bà Đ trả hết nợ.

1.3 Trường hợp ông V H, bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử

lý toàn bộ tài sản thế chấp đã ký kết tại hợp đồng thế chấp tài sản số 1094/2019/701-BĐ ngày 30/7/2019 để thu hồi nợ, gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 201, tờ bản đồ số 15, diện tích 28.712,8 m² tại địa chỉ: thôn 3, xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Chủ sở hữu tài sản: Ông Châu V H và bà Quan Thị Đồ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 351322 có số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH 001586/CMOI-LP do UBND huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước cấp ngày 12/06/2018.

Trường hợp giá trị tài sản thế chấp không đủ để thanh toán thì ông V H, bà Đ còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho ngân hàng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), bị đơn ông V H, bà Đ phải liên đới chịu. Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền này do đó ông V H, bà Đ có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Là 46.096.090 đồng (Bốn mươi sáu triệu không trăm chín mươi sáu nghìn không trăm chín mươi đồng) bị đơn ông V H, bà Đ phải liên đới chịu.

Trả lại Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí 21.884.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007516 ngày 09/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSDN tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Ly

